TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 28-3-2019
V/v tranh chấp về dân sự đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Dũng.

2. Ông Lý Thái Thế.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Minh Thìn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp về dân sự đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số A, đường H, Khóm 4, Phường A1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Chị Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A2, Phạm Ngọc T, khóm H1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 13/02/2019) (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số A, đường H, Khóm 4, Phường A1, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Nhà trọ Q, đường Nguyễn Văn P, khóm 2, phường A1, TP. S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Bá N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số A, đường H, Khóm 4, Phường A1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Nhà trọ Q, đường Nguyễn Văn P, khóm 2, phường A1, TP. S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2019, các lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hữu T là chị Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Trước đây, từ khoảng tháng 7 đến tháng 10 năm 2007, ông T cho bà M vay tiền nhiều lần tổng số tiền 55.000.000 đồng, các lần vay không có làm biên nhận. Sau đó, ngày 14/11/2007 hai bên tổng kết nợ thì bà M nợ ông T số tiền 55.000.000 đồng và bà M, ông N có ký tên vào tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007, cam kết trả sau 01 tháng kể từ 14/11/2007. Nhưng từ đó đến nay bà M, ông Nchưa trả tiền cho ông T lần nào đến nay.

Nội dung tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007 là do ông T viết, chữ ký tên và chữ viết họ tên Huỳnh Ngọc M, Lê Bá N là do bà M, ông N ký tên, viết họ tên. Việc bà M, ông N cho rằng ông T có ép buộc bà M ký tên, viết họ tên là hoàn toàn không đúng.

Nay ông Lê Hữu T yêu cầu bà Huỳnh Ngọc M và ông Lê Bá N cùng liên đới trả lại số tiền 55.000.000 đồng cho ông T.

Ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay bị đơn bà Huỳnh Ngọc M trình bày:

Khoảng năm 2005, ông T đưa tiền cho bà Mộng khoảng 20.000.000 đồng, để bà M cho nhiều người khác vay dùm, sau khi bà M cho người khác vay, thì hàng tháng bà M thu tiền vốn và lãi đưa cho ông T. Đến năm 2007, do một số người vay tiền không trả nợ, nên ông T đánh, chửi bà M và ép buộc bà M, ông N ký tên vào tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007, nợ ông T số tiền 55.000.000 đồng. Tờ cam kết thiếu nợ là do ông T viết, bà M có ký tên và viết họ tên phía dưới chỗ người thiếu nợ, ông N có ký tên và viết họ tên phía dưới chỗ nhân chứng. Sở dĩ bà M và ông N ký tên vào Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007 là do ông T đè đầu, áp cổ bà M, ép buộc bà M, ông N phải ký tên vào tờ cam kết. Sau khi ký tên vào tờ cam kết thì bà M có đến Công an Phường A1 thành phố S trình báo (trình báo miệng) sự việc và Công an Phường A1, thành phố S có mời ông T đến làm việc nhắc nhở ông T là anh em trong gia đình nên giải quyết ôn hòa; Công an Phường A1, thành phố S không có giao giấy tờ gì cho bà M, ông N.

Sau khi ký tên vào Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007 thì bà M, ông N trả cho ông Trí 10.000.000 đồng và thời gian sau bà M, ông N tiếp tục trả cho ông T nhiều lần đủ số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Việc bà M, ông N trả tiền

cho ông T không có làm giấy tờ, biên nhận, vì nghĩ là anh em trong gia đình nên tin tưởng nhau. Bà M, ông N cũng không có lấy lại Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007.

Nay bà M không đồng ý theo yêu cầu của ông T, vì bà M không có vay tiền của ông T, mà ông T đưa khoảng 20.000.000 đồng cho bà M, để bà M cho người khác vay dùm ông T, nhưng bà M đã trả lại cho ông T đủ số tiền 20.000.000 đồng này xong, không còn nợ.

Trường hợp, Tòa chấp nhận yêu cầu của ông T, thì bà M yêu cầu ông N cùng liên đới với bà M trả số tiền 55.000.000đồng, vì ông N và bà M là vợ chồng.

Ngoài ra, bà M không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bá N trình bày:

Ông N thống nhất lời trình bày của bà M. Trường hợp, Tòa chấp nhận yêu cầu của ông T, thì ông N đồng ý cùng liên đới với bà M trả số tiền 55.000.000 đồng cho ông T, vì bà M và ông N là vợ chồng.

Ngoài ra, ông N không có yêu cầu gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sở thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Huỳnh Ngọc M và ông Lê Bá N cùng liên đới trả lại số tiền 55.000.000 đồng cho ông Lê Hữu T.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về

dân sự đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Lê Hữu T yêu cầu bà Huỳnh Ngọc M và ông Lê Bá N cùng liên đới trả lại số tiền 55.000.000 đồng cho ông T.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M, ông N thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Ngọc M và Lê Bá N trong Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007 là do bà M, ông N ký tên và viết họ tên, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, theo bà M, ông N cho rằng bà M, ông N ký tên vào tờ cam kết là do ông T đe dọa, ép buộc bà M ký tên, chứ bà M không có nợ ông T số tiền 55.000.000 đồng; bà M chỉ nhận của của ông T số tiền khoảng 20.000.000 đồng, để cho người khác vay dùm ông T, chứ bà M không có vay mượn tiền của ông T và số tiền khoảng 20.000.000 đồng này, bà M cũng đã trả cho ông T xong, không còn nợ. Do đó, bà M và ông N không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

[4] Về phía ông T không thống nhất vấn đề bà M, ông N cho rằng ông T dùng vũ lực ép buộc bà M ký tên vào Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007, theo ông T thì bà M vay tiền của ông T nhiều lần sau đó, hai bên tổng kết nợ bà M nợ ông T số tiền 55.000.000 đồng nên ông T viết nội dung tờ cam kết để bà M ký tên xác nhận nợ và cam kết trả nợ, chứ ông T không có đe dọa, ép buộc bà M ký tên theo như trình bày của bà M.

[5] Đối với việc bà M trình bày sau khi ông T dùng vũ lực ép buộc bà M ký tên vào tờ cam kết thì bà M đến Công an Phường A1, thành phố S để trình báo, nhưng cơ quan Công an chỉ giải thích để anh em trong gia đình hòa giải, chứ không có giải quyết. Qua xác minh thu thập chứng cứ thì Công an Phường A1, thành phố S có công văn số 02/CAP ngày 25/01/2019 cung cấp thông tin khoảng năm 2007 – 2008 bà Huỳnh Ngọc M, ông Lê Bá N không có đến Công an Phường A1, thành phố S để trình báo sự việc ông Lê Hữu T dùng vũ lực ép buộc bà M ký tên vào tờ cam kết ngày 14/11/2007 và Công an không có lập biên bản giải quyết vụ việc.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu đó có căn cứ và hợp pháp”.

"2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".

Ông T cho rằng có cho bà M vay tiền và cung cấp Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007 có chữ ký tên của bà M, ông N. Bà M, ông N trình bày, bà M không có vay tiền của ông T và cho rằng bà M bị ép buộc ký tên vào Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007, nhưng không có căn cứ chứng minh bị ép buộc, trong khi phía ông T không thừa nhận, nên phần trình bày của bà M, ông N không có cơ sở chấp nhận.

[6] Ông N cho rằng ký tên vào Tờ cam kết thiếu nợ ngày 14/11/2007 với tư cách là người làm chứng, nhưng ông N với bà M là vợ chồng nên trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T buộc bà M trả lại số tiền 55.000.000 đồng cho ông T, thì ông N đồng ý liên đới cùng bà M trả cho ông T và bà M cũng thống nhất vấn đề này theo ý kiến của ông N. Vì vậy, công nhận sự tự nguyện này của ông N.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà M và ông N liên đới trả số tiền 55.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Lê Hữu T được chấp nhận nên bà Huỳnh Ngọc M, ông Lê Bá N phải liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật. Do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí dân sự, nên ông N được miễn nộp án phí dân sự đối với phần ông N phải nộp. Đồng thời tại phiên tòa, ông N cũng đồng ý liên đới với bà M nộp phần án phí dân sự mà bà M phải nộp theo quy định nên ghi nhận sự tự nguyện này của ông N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hữu T.

Buộc bà Huỳnh Ngọc M, ông Lê Bá N có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Lê Hữu T số tiền 55.000.000đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Bá N (do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí phù hợp theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Bá N cùng liên đới với bà Huỳnh Ngọc M nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.375.000 đồng.

- Ông Lê Hữu T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003644 ngày 18/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Văn Tuấn Em